

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐD  
TỈNH LĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST  
Ngày 11-7-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH LĐ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Anh V

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phan Thị Hoài T;

Bà Nguyễn Thị Hồng N.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Hoàng Mỹ D – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh LĐ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD, tỉnh LĐ tham gia phiên tòa:** ông Phạm Duy L - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh LĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2021/TLST-DS ngày 29/12/2021 (chuyển sang thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 01/2022/TLST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2022) về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần AC; địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà ACB Tower 444A-446 Cách mạng tháng 8, Phường 11, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Từ Tiến P, Chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Vũ Thị Anh Đ, Chức vụ: Giám đốc Phòng Quản lý nợ.

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng tham gia tố tụng: ông Đỗ Đức H, sinh năm: 1998; địa chỉ: 762 HV, thị trấn ĐV, huyện LH, tỉnh LĐ – là đại diện theo ủy quyền.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm: 1974; Địa chỉ: thôn KR 2, xã KR, huyện ĐD, tỉnh LĐ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ngân hàng TMCP AC - ông Đỗ Đức H trình bày:*

Ông Nguyễn Ngọc T1 đã ký kết hợp đồng cấp tín dụng số LDO.CN.420.280219 ngày 28/02/2019 vay của Ngân hàng TMCP AC số tiền 1.500.000.000đ để sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, điều chỉnh tăng hạn mức vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng rau củ quả các loại và vườn ươm cây giống. Theo hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho ông T1 02 khoản tiền theo hai khế ước nhận nợ gồm:

- Khế ước số 02, (số tham chiếu 293841919) với khoản tiền giải ngân 1.000.000.000 đồng với thời hạn vay 09 tháng tính từ ngày 11/10/2019 đến ngày 10/07/2020. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11%/năm, cố định trong 03 tháng đầu.

- Khế ước số 03 (số tham chiếu 297111169) với khoản tiền giải ngân 500.000.000 đồng với thời hạn vay 09 tháng tính từ ngày 29/11/2019 đến ngày 28/08/2020. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 11,20%/năm, cố định trong 03 tháng đầu.

Tài sản đảm bảo để thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 165 tờ bản đồ số 128, địa chỉ: xã ĐQ, huyện ĐT, tỉnh LD thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Ngọc T1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LDO.BĐCN.116.100119 được công chứng tại Văn phòng Công chứng NĐT (tỉnh LD) ngày 10/01/2019, số công chứng 227; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐT ngày 10/01/2019, số thứ tự 943. Tài sản thế chấp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH488213 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LD cấp ngày 31/8/2017, cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc T1 ngày 20/12/2018.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Nguyễn Ngọc T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho ông Nguyễn Ngọc T1 trả nợ nhưng ông Nguyễn Ngọc T1 vẫn không có ý thức trả dứt nợ cho Ngân hàng. Phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T1 thanh toán nợ gốc và lãi vay quá hạn cho Ngân hàng nhưng ông Nguyễn Ngọc T1 vẫn không thực hiện thanh toán nợ đúng hạn. Xét thấy bên vay không còn khả năng thanh toán nợ cho ngân hàng, do đó ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với các Hợp đồng tín dụng trên đồng thời tiến hành khởi kiện ông T1 tại Tòa án đề nghị thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tạm tính đến ngày 11/7/2022, dư nợ của ông Nguyễn Ngọc T1 tại ngân hàng theo hợp đồng tín dụng trên là 2.042.127.961 đồng. Trong đó, nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 34.323.288 đồng, lãi quá hạn 471.396.576 đồng, phạt chậm trả lãi 36.408.097 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng đề nghị Toà Án nhân dân huyện ĐD giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc T1 phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng nói trên là 2.042.127.961 đồng bao gồm nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt tạm tính đến ngày 11/7/2022 là 542.127.961 đồng; Ngoài ra, ông Nguyễn Ngọc T1 phải thanh toán cho ngân hàng số tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết

từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp ông Nguyễn Ngọc T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 488213 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LD cấp ngày 31/8/2017, cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc T1 ngày 20/12/2018; Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên mà ông Nguyễn Ngọc T1 vẫn chưa trả hết nợ thì ông Nguyễn Ngọc T1 vẫn phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại.

Tại biên bản đối chất ngày 15/02/2022, bản tự khai ngày 18/01/2022, ông Nguyễn Ngọc T1 thừa nhận có vay ngân hàng số tiền nợ gốc 1.500.000.000đ theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LDO.CN.883.100119 ngày 10/01/2019; hợp đồng cấp tín dụng số LDO.CN.420.280219 ngày 28/02/2019; Phụ lục hợp đồng số LDO.CN.420.280219/PL-01 ngày 28/02/2019; khế ước nhận nợ số 02 (số tham chiếu 293841919) ngày 10/10/2019; khế ước số 03 (số tham chiếu 237111169) ngày 28/11/2019. Trước yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thì ông đồng ý trả nợ cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu của ngân hàng. Nếu ông không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản ông đã thế chấp để thi hành án. Nếu tài sản đảm bảo không đủ để thi hành án ông sẽ trả tiếp số tiền nợ gốc và nợ lãi còn lại theo các thỏa thuận đã ký với ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T1 có đơn xin vắng mặt. Ông Đỗ Đức H đại diện ngân hàng trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Do ông Nguyễn Ngọc T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu ông T1 phải trả số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 542.127.961 đồng tính đến ngày 11/7/2022, tổng cộng 2.042.127.961 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 317, 318, 319, 322, 323 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng để xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Nguyễn Ngọc T1 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc ông Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 1.500.000.000đ đồng và các khoản tiền lãi tính đến ngày 11/7/2022 là 542.127.961 đồng cùng các khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong theo hợp đồng tín dụng số LDO.CN.883.100119 ngày 10/01/2019 và hợp đồng tín dụng số LDO.CN.420.280219 ngày 28/02/2019, Phụ lục hợp đồng số LDO.CN.420.280219/PL-01 ngày 28/02/2019; khế ước nhận nợ số 02 (số tham chiếu 293841919) ngày 10/10/2019; khế ước số 03 (số tham chiếu 237111169)

ngày 28/11/2019. Nếu ông T1 không trả được nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm ông T1 đã thế chấp để thu hồi nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án kinh doanh Thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP AC với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1. Do ngân hàng và ông T1 đều có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và ông T1 sử dụng tiền vay nhằm mục đích lợi nhuận. ông T1 có có địa chỉ cư trú tại xã KĐ, huyện ĐD nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐD theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Ngọc T1 và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho ông T1 theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: khi nộp đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã cung cấp bản sao các tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: 01 thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LDO.CN.883.100119 ngày 10/01/2019, 01 hợp đồng cấp tín dụng số LDO.CN.420.280219 ngày 28/02/2019, 01 Phụ lục hợp đồng số LDO.CN.420.280219/PL-01 ngày 28/02/2019; 01 khế ước nhận nợ số 02 (số tham chiếu 293841919) ngày 10/10/2019. 01 khế ước số 03 (số tham chiếu 237111169) ngày 28/11/2019, 01 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LDO.BĐCN.116.100119 ngày 10/01/2019 tất cả đều có chữ ký của ông Nguyễn Ngọc T1 và có công chứng chứng thực của văn phòng công chứng NĐT. Các chứng cứ nêu trên đã được Tòa án công khai và thông báo cho ông T1 biết. ông T1 cũng thừa nhận có vay tiền của ngân hàng theo các tài liệu chứng cứ nêu trên. Căn cứ vào các Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định các chứng cứ trên là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

[2.1] Xét thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LDO.CN.883.100119 ngày 10/01/2019, hợp đồng cấp tín dụng số LDO.CN.420.280219 ngày 28/02/2019, Phụ lục hợp đồng số LDO.CN.420.280219/PL-01 ngày 28/02/2019; khế ước nhận nợ số 02 (số tham chiếu 293841919) ngày 10/10/2019, khế ước số 03 (số tham chiếu 237111169) ngày 28/11/2019 được ký kết giữa Ngân hàng với ông T1 có quy định về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả và những cam kết khác được các bên thỏa thuận. Khi ký kết hợp đồng, hai bên hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng nên căn cứ vào Điều 398, Điều 401 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng với ông T1 là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền cho vay, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LDO.CN.883.100119 ngày 10/01/2019, hợp đồng cấp tín dụng số

LDO.CN.420.280219 ngày 28/02/2019, Phụ lục hợp đồng số LDO.CN.420.280219/PL-01 ngày 28/02/2019; khế ước nhận nợ số 02 (số tham chiếu 293841919) ngày 10/10/2019, khế ước số 03 (số tham chiếu 237111169) ngày 28/11/2019 thì: khế ước nhận nợ số 02 (số tham chiếu 293841919) ngày 10/10/2019, số tiền giải ngân là 1.000.000.000đ, thời hạn trả nợ đến 10/7/2020; khế ước nhận nợ số 03 (số tham chiếu 237111169) ngày 28/11/2019, số tiền giải ngân là 500.000.000đ, thời điểm đến hạn thanh toán là ngày 28/8/2020. Tuy nhiên, cho đến ngày 10/5/2020 thì ông T1 ngưng thanh toán tiền lãi cho ngân hàng của cả hai khế ước nhận nợ nói trên. Như vậy đến thời điểm ngân hàng nộp đơn khởi kiện vào ngày 26/4/2021 thì số tiền nợ gốc 1.500.000.000đ và các khoản nợ lãi còn lại phát sinh sau ngày 10/5/2020 ông T1 vẫn chưa thanh toán cho ngân hàng. ông T1 cũng thừa nhận cho đến nay ông vẫn chưa thanh toán nợ cho ngân hàng như ngân hàng khởi kiện. Do đó đủ cơ sở khẳng định ông T1 đã vi phạm các điều, khoản về nghĩa vụ thanh toán trong các thỏa thuận đã ký kết với ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T1 thanh toán tiền nợ gốc 1.500.000.000đ và các khoản tiền lãi tổng cộng 2.042.127.961 đồng theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LDO.CN.883.100119 ngày 10/01/2019, hợp đồng cấp tín dụng số LDO.CN.420.280219 ngày 28/02/2019, Phụ lục hợp đồng số LDO.CN.420.280219/PL-01 ngày 28/02/2019; khế ước nhận nợ số 02 (số tham chiếu 293841919) ngày 10/10/2019, khế ước số 03 (số tham chiếu 237111169) ngày 28/11/2019 là có căn cứ, phù hợp với Điều 463 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[3] Xét hợp đồng thế chấp số LDO.BĐCN.116.100119 ngày 10/01/2019 các bên ký kết thì thấy rằng: Để đảm bảo cho số tiền vay 1.500.000.000 đồng, ông Nguyễn Ngọc T1 có thế chấp tài sản là diện tích đất 24.701,7m<sup>2</sup>, thửa đất số 165, Tờ bản đồ số 128 xã ĐQ, huyện ĐT, tỉnh LD do ông T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 488213 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LD cấp ngày 31/8/2017 cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc T1 ngày 20/12/2018. Tại thời điểm thế chấp tài sản cho Ngân hàng, ông T1 có lập hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai theo đúng quy định tại các Điều 298, 323 của Bộ luật Dân sự; Điều 1 của Nghị định 11/2012/NĐ-CP, ngày 22-02-2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP, ngày 29-12-2006. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/3/2022, qua kiểm tra hiện trạng thửa đất trên đúng với sơ đồ thửa đất được cấp theo giấy chứng nhận QSD đất của ông T1. Trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 và nhà kho của ông T1 đã được ông ký xác nhận trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ. Do đó Hợp đồng thế chấp số LDO.BĐCN.116.100119 ngày 10/01/2019 giữa Ngân hàng với ông T1 vẫn có hiệu lực pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc ông Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP AC số tiền 2.042.127.961 đồng (trong đó nợ gốc

1.500.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 11/7/2022 là 542.127.961 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên cam kết tại thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LDO.CN.883.100119 ngày 10/01/2019, hợp đồng cấp tín dụng số LDO.CN.420.280219 ngày 28/02/2019, Phụ lục hợp đồng số LDO.CN.420.280219/PL-01 ngày 28/02/2019; khế ước nhận nợ số 02 (số tham chiếu 293841919) ngày 10/10/2019, khế ước số 03 (số tham chiếu 237111169) ngày 28/11/2019 đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc là phù hợp với Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng thế chấp số LDO.BĐCN.116.100119 ngày 10/01/2019 vẫn có hiệu lực pháp luật. Do đó, nếu ông T1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 165, Tờ bản đồ số 128 xã ĐQ, huyện ĐT, tỉnh LD (trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4) do ông T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 488213 để thu hồi nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền mà yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, ngân hàng có nộp số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000đ. Tòa án đã chi phí hết số tiền 2.900.000đ. Số tiền còn lại 1.100.000đ tòa án đã hoàn trả cho ngân hàng. Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 2.900.000đ này. Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP AC số tiền chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ) là 2.900.000đ (hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 157, Điều 158 Điều 186, Khoản 1 Điều 227, Điều 232, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP AC với ông Nguyễn Ngọc T1 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc ông Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa

vụ trả cho Ngân hàng TMCP AC số tiền 2.042.127.961 đồng. Trong đó tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 542.127.961 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (11/7/2022), cho đến khi trả hết nợ, ông Nguyễn Ngọc T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Hợp đồng thế chấp số LDO.BĐCN.116.100119 ngày 10/01/2019 giữa Ngân hàng TMCP AC với ông Nguyễn Ngọc T1 vẫn có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông T1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 165, Tờ bản đồ số 128 xã ĐQ, huyện ĐT, tỉnh LD và các tài sản khác gắn liền với đất do ông T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CH 488213 được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh LD cấp ngày 31/8/2017 để thu hồi nợ. Nếu tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ thì ông Nguyễn Ngọc T1 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi tất toán khoản nợ vay.

- Trường hợp ông Nguyễn Ngọc T1 thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của mình đối với Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 488213 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LD cấp ngày 31/8/2017 cho ông Nguyễn Ngọc T1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Ngọc T1 phải chịu 72.842.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP AC không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng TMCP AC 31.542.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0003706 ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP AC (ACB) số tiền chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ) là 2.900.000đ (hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền 2.900.000đ nói trên cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 2.900.000đ còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP AC có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Ngọc T1 có quyền kháng trong

thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh LĐ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Hoài T    Nguyễn Thị Hồng N**

**Lê Đình Anh V**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện ĐĐ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- CC THADS huyện ĐD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**Lê Đình Anh V**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Hoài T   Nguyễn Thị Hồng N**

**Lê Đình Anh V**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh LB;
- VKSND huyện DD;
- CC THADS huyện DD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đình Anh V**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đình Anh V**

